

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-ST
Ngày: 15-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu;
2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phạm Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1960 tại tỉnh Bến Tre; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1940; Vợ: bà Nguyễn Thị Minh K1, sinh năm 1963 (đã ly hôn); Con: có 01 người con sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 11/7/2024 của Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 4.000.000 (bốn triệu) đồng về hành vi hủy hoại tài sản vào ngày 20/01/2024 (đã nộp phạt); Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2024 cho đến nay.

*** Bị hại:**

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Diệp Kim K, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt, riêng ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S và bị hại ông Nguyễn Văn H có mối quan hệ họ hàng (bị hại kêu bị cáo bằng chú). Vào tháng 6/2023, bị cáo S và bị hại ông H phát sinh mâu thuẫn từ việc bị hại trồng dừa xiêm xanh và cau trên thửa đất số 420 có diện tích 3.147 m², tờ bản đồ số 39 (thửa đất cũ là số 1075, tờ bản đồ số 01) tọa lạc tại ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre, thửa đất này do bị hại quản lý và canh tác từ năm 1997 đến nay. Mâu thuẫn nêu trên giữa bị cáo S và bị hại ông H đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre hòa giải.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 20/01/2024, bị cáo S đi công việc về ghé ngang phần đất nêu trên, bị cáo thấy dừa xiêm xanh và cau do bị hại ông H trồng đã lớn, bị cáo đến dùng hai tay nhổ 01 (một) cây dừa xiêm xanh nhưng không nhổ lên được, bị cáo đi bộ vào chuồng bò của ông Nguyễn Trọng N gần đó lấy 01 (một) lưỡi liềm cầm trên tay phải quay trở lại cắt lìa sát phần gốc gồm: 07 (bảy) cây dừa xiêm xanh và 04 (bốn) cây cau con (loại cau thường), lúc này ông N đang cắt cỏ cho bò gần đó nhìn thấy sự việc. Sau khi cắt số lượng cây nêu trên xong, bị cáo S mang lưỡi liềm để lại vị trí cũ và đi về nhà.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/01/2024, bị cáo S tiếp tục đi bộ đến phần đất trồng dừa xiêm xanh và cau của bị hại ông H, bị cáo đứng quan sát và nảy sinh ý định sẽ làm chết toàn bộ số dừa và cau của bị hại trồng trên thửa đất này. Bị cáo S đi bộ vào chuồng bò của ông N lấy 01 (một) cái lưỡi liềm cầm trên tay phải quay trở lại cắt lìa sát phần gốc toàn bộ số dừa và cau của bị hại ông H gồm: 105 (một trăm lẻ năm) cây dừa xiêm xanh và 21 (hai mươi một) cây cau con (loại cau thường). Sau đó, bị cáo S mang lưỡi liềm để lại vị trí cũ và đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, ông N đi cắt cỏ phát hiện toàn bộ số dừa và cau của bị hại ông H bị cắt nên gọi điện thông báo cho bị hại biết. Đến ngày 31/01/2024, bị hại ông H đến Công an xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre tố giác tội phạm.

Vật chứng: 01 (một) lưỡi liềm có phần cán bằng nhựa màu xanh dài 12cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen dài 24cm, có một bề sắc, bén, nơi rộng nhất 2,5cm, đầu nhọn (do ông N giao nộp), hiện đã trao trả cho ông N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre kết luận tổng giá trị tài sản của bị hại ông H bị thiệt hại như sau:

- Tài sản thiệt hại ngày 20/01/2024: 07 (bảy) cây dừa xiêm có chiều cao từ 0,5m đến 0,6m trồng được 07 tháng, giá 66.000 đồng/cây, thành tiền là $07 \times 66.000 = 462.000$ đồng; 04 (bốn) cây cau có chiều cao khoảng 15cm đã trồng được 04 tháng, giá 11.000 đồng/cây, thành tiền là $04 \times 11.000 = 44.000$ đồng. Tổng cộng: 506.000 (năm trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

- Tài sản thiệt hại ngày 30/01/2024: 105 (một trăm lẻ năm) cây dừa xiêm có chiều cao từ 0,5m đến 0,6m trồng được 07 tháng, giá 66.000 đồng/cây, thành tiền là $105 \times 66.000 = 6.930.000$ đồng; 21 (hai mươi một) cây cau có chiều cao khoảng 15cm đã trồng được 04 tháng, giá 11.000 đồng/cây, thành tiền: $21 \times 11.000 = 231.000$ đồng. Tổng cộng: 7.161.000 (bảy triệu một trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo S khai nhận hành vi hủy hoại tài sản của mình, lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông H yêu cầu bị cáo S bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 3.360.000 (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng, bị cáo S đồng ý và đã bồi thường xong. Bị hại ông H không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Tại Bản cáo trạng số 53/CT-VKSGT ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo S về “Tội hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo S phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo S có mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

Hình phạt bổ sung: không.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo S đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại ông H với số tiền là 3.360.000 (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng, bị hại ông H không yêu cầu gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không đề cập xử lý.

Đối với việc bị cáo S đã thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của bị hại ông H vào ngày 20/01/2024 với giá trị tài sản dưới 2.000.000 (hai triệu) đồng, bị cáo S chưa có tiền án, tiền sự nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện

G, tỉnh Bến Tre đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo S là đúng quy định pháp luật.

Bị cáo S khai: Giữa bị cáo và bị hại ông H có tranh chấp liên quan đến thửa đất số 420 nhưng chưa được giải quyết xong, thửa đất này hiện do bị hại canh tác, trồng dừa và cau trên đất. Hai bên có thỏa thuận miệng là bị hại ông H không được trồng cây lâu năm trên đất nhưng bị hại vẫn trồng và không di dời. Do đó, ngày 20/01/2024, bị cáo có lấy 01 (một) cái lưỡi liềm của ông N cắt lìa sát phần gốc của 07 (bảy) cây dừa xiêm xanh và 04 (bốn) cây cau con của bị hại ông H trồng trên thửa đất số 420. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/01/2024, bị cáo tiếp tục lấy 01 (một) cái lưỡi liềm của ông N cắt lìa sát phần gốc toàn bộ số dừa và cau của bị hại ông H trồng trên thửa đất số 420, gồm 105 (một trăm lẻ năm) cây dừa xiêm xanh và 21 (hai mươi một) cây cau con (loại cau thường). Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo tự nguyện khai, không bị ai ép cung, nhục hình. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo hối hận về hành vi của mình.

Bị hại ông H khai: Thửa đất số 420 là gia đình ông đã nhận chuyển nhượng từ gia đình bị cáo S nhưng chưa sang tên được, hai bên có xảy ra tranh chấp nhưng chưa được giải quyết xong. Hiện ông đang quản lý, sử dụng thửa đất số 420, có trồng dừa, cau, chanh trên đất. Ngày 20/01/2024, bị cáo S có cắt lìa sát phần gốc của 07 (bảy) cây dừa xiêm xanh và 04 (bốn) cây cau con của ông trồng trên thửa đất số 420. Đến ngày 30/01/2024, bị cáo S tiếp tục cắt lìa sát phần gốc toàn bộ số dừa và cau của ông trồng trên thửa đất số 420, gồm 105 (một trăm lẻ năm) cây dừa xiêm xanh và 21 (hai mươi một) cây cau con (loại cau thường). Ông đồng ý với kết luận định giá; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về trách nhiệm hình sự: ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo S đã bồi thường thiệt hại xong cho ông với số tiền là 3.360.000 (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng, ông không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng ông K khai: Dừa do bị hại ông H trồng trên thửa đất số 420 bị hủy hoại là do ông giới thiệu và dẫn bị hại đi mua với giá 30.000 (ba mươi nghìn) đồng/cây. Cau do bị hại ông H trồng trên thửa đất số 420 bị hủy hoại theo ông biết là do bị hại đem từ nhà ra trồng. Khi dừa và cau trồng trên thửa đất số 420 bị hủy hoại, ông không chứng kiến. Ông không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc S và những người tham gia tố tụng

khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng ông N vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo S và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt ông N. Xét thấy, trong quá trình điều tra, ông N đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của ông N không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo S có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/01/2024, tại ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo S đã dùng 01 (một) lưỡi liềm sắc, bèn để thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của bị hại ông H là 105 (một trăm lẻ năm) cây dừa xiêm xanh trồng được 07 tháng, trị giá 6.930.000 (sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng và 21 (hai mươi một) cây cau trồng được 04 tháng, trị giá 231.000 (hai trăm ba mươi một nghìn) đồng, tổng cộng là 7.161.000 (bảy triệu một trăm sáu mươi một nghìn) đồng. Khi thực hiện hành vi trên, bị cáo S có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành “Tội hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo S là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo S đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, không những gây nguy hiểm cho xã hội, hoang mang trong nhân dân, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo S gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, trong lần phạm tội này xác định bị cáo S có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo S thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có cha là ông Nguyễn Ngọc D được UBND tỉnh Bến Tre tặng Bằng khen trong kháng chiến chống Mỹ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện bị cáo đang sống chung và chăm sóc mẹ ruột sinh năm 1940 đã già yếu. Đây là các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo S được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo S gây ra, xét thấy trong lần phạm tội này xác định bị cáo S có nhân thân tốt; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã 64 tuổi, hiện đang sống chung và chăm sóc mẹ ruột sinh năm 1940 đã già yếu. Do đó, xét thấy không cần phải bắt bị cáo S chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, quyết định cho bị cáo S được hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 41/2024/LCĐKNCT-TA ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo S.

[6] Hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông H yêu cầu bị cáo S bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 3.360.000 (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng, bị cáo S đồng ý và đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì thêm nên được ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) lưỡi liềm có phần cán bằng nhựa màu xanh dài 12cm, phần lưỡi bằng kim loại màu đen dài 24cm, có một bề sắc, bén, nơi rộng nhất 2,5cm, đầu nhọn thuộc sở hữu của ông N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho ông N là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, bị cáo S phải nộp. Tuy nhiên, bị cáo S là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo S về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “Hủy hoại tài sản” .

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/11/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc S cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Nguyễn Ngọc S) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Nguyễn Ngọc S) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc S thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 41/2024/LCĐKNCT-TA ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã N, huyện G;
- Bị cáo, bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên